

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

LÊ THỊ THU HÀ

**ĐẶC ĐIỂM ĐỊA DANH QUẬN NGŨ HÀNH
SƠN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Chuyên ngành: Ngôn ngữ học

Mã số: 60.22.01

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

Đà Nẵng, Năm 2013

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **TS. LÊ ĐỨC LUẬN**

Phản biện 1: **PGS.TS. HOÀNG TÁT THẮNG**

Phản biện 2: **TS. BÙI TRỌNG NGOÃN**

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sỹ Khoa học Xã hội và Nhân văn họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 14 tháng 12 năm 2013

Có thể tìm luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong vài thập niên gần đây, việc nghiên cứu địa danh là một trong những vấn đề được nhiều nhà ngôn ngữ học rất quan tâm nghiên cứu. Riêng về địa danh thành phố Đà Nẵng trước đây đã có một số công trình nghiên cứu tuy nhiên riêng về địa danh quận Ngũ Hành Sơn đến nay vẫn chưa có một công trình nào.

Với mong muốn sẽ góp phần trong việc thống kê và hệ thống lại các địa danh của một đơn vị cấp quận, qua đó có thể giới thiệu và quảng bá đậm nét về địa danh quận Ngũ Hành Sơn, chúng tôi nghiên cứu đề tài ***“Đặc điểm địa danh quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng”***. Đồng thời công trình sẽ góp phần nhận diện đặc trưng ngữ nghĩa của địa danh và làm sáng tỏ ảnh hưởng của lịch sử dân cư, văn hóa xã hội tác động đến địa danh vùng đất này.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Đề tài sẽ góp thêm tư liệu và cách nhìn nhận về việc sử dụng ngôn ngữ địa danh, đóng góp cho việc nghiên cứu lịch sử, văn hóa, phát triển du lịch, đặc biệt sẽ góp phần cho công tác hoạch định hành chính, trong đó có công tác đặt và đổi tên

đường và các công trình công cộng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng nói chung và quận Ngũ Hành Sơn nói riêng.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng: Đặc điểm địa danh quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

3.2. Phạm vi nghiên cứu: Khảo sát nghiên cứu địa danh trong phạm vi địa bàn quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

4. Phương pháp nghiên cứu:

Phương pháp điều tra xã hội học; phương pháp thống kê, phân loại; phương pháp so sánh, đối chiếu; phương pháp phân tích, tổng hợp.

5. Bố cục đề tài

Ngoài phần Mở đầu, tài liệu tham khảo và phụ lục, chúng tôi chia bố cục luận văn như sau:

- **Chương 1:** Cơ sở lý thuyết về địa danh và khái quát địa danh quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

- **Chương 2:** Đặc điểm ngôn ngữ địa danh Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

- **Chương 3:** Đặc trưng ngữ nghĩa địa danh quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1.1. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VỀ ĐỊA DANH

1.1.1. Khái niệm địa danh và địa danh học

a. Địa danh

Địa danh là những từ hoặc cụm từ chuyên dùng vào việc định danh và có tác dụng khu biệt, định vị các đối tượng địa lý tự nhiên hoặc nhân văn.

b. Địa danh học

Địa danh học là một chuyên ngành của ngôn ngữ học có nhiệm vụ nghiên cứu cấu tạo, ý nghĩa, nguồn gốc và sự biến đổi của địa danh. Trong ngôn ngữ học, địa danh học là một trong những chuyên ngành của danh xưng học, thuộc bộ môn từ vựng học.

c. Vị trí của địa danh học trong ngôn ngữ học

1.2. PHÂN LOẠI ĐỊA DANH

1.2.1. Cách phân loại của các nhà địa danh học Pháp

1.2.2. Cách phân loại của các nhà địa danh học Nga

1.2.3. Cách phân loại của các nhà địa danh học Việt

Nam

a. Các quan điểm phân loại địa danh

Lê Trung Hoa đã chia thành 2 nhóm lớn: Địa danh tự nhiên như: núi, đồi, sông, suối, biển....; địa danh không tự nhiên: gồm 3 tiểu nhóm: địa danh chỉ các công trình xây dựng, địa danh hành chính, địa danh chỉ vùng. Ngoài ra, tác giả còn căn cứ vào nguồn gốc ngôn ngữ (ngữ nguyên) để chia địa danh thành 2 loại: địa danh thuần Việt, địa danh không thuần Việt.

Một nhà nghiên cứu địa danh khác là Từ Thu Mai cho rằng có 3 loại hình địa danh: địa danh địa hình thiên nhiên, địa danh đơn vị dân cư, địa danh công trình nhân tạo.

b. Quan điểm phân loại của tác giả luận văn

- Căn cứ vào nguồn gốc địa danh và đặc điểm địa hình:

Địa danh tự nhiên (thiên tạo), gồm có các loại địa danh sau: địa danh đồi núi, địa danh đồng bằng, địa danh sông nước; Địa danh nhân văn (nhân tạo), gồm có các loại địa danh sau: địa danh hành chính, địa danh các công trình dân sinh, địa danh các công trình di tích lịch sử, văn hóa tín ngưỡng

- Căn cứ vào nguồn gốc tên gọi:

Địa danh tiếng Chăm, địa danh thuần Việt, địa danh Hán-Việt, địa danh tiếng Pháp, địa danh có nguồn gốc khác.

1.3. KHÁI QUÁT ĐỊA LÝ, NGUỒN GỐC DÂN CƯ, SẮC THÁI VĂN HÓA QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

1.3.1. Về địa lý tự nhiên

Quận Ngũ Hành Sơn nằm về phía đông nam của thành phố, phía đông giáp biển Đông; phía tây giáp với huyện Hoà Vang và quận Cẩm Lệ; phía bắc giáp với quận Hải Châu và quận Sơn Trà; phía nam giáp với huyện Điện Bàn của tỉnh Quảng Nam. Diện tích tự nhiên toàn quận là 36,72 km², trong đó có 39,4% là đất nông nghiệp. Địa hình của Ngũ Hành Sơn tương đối bằng phẳng, đất đai khá đồng nhất về tính chất vật lý, hoá học. Cấu tạo địa chất chủ yếu là cát.

1.3.2. Địa lý hành chính

Quận Ngũ Hành Sơn được thành lập theo Nghị định số 07/CP ngày 23/1/1997 và Quyết định ngày 27/01/1997 của Ủy ban nhân dân lâm thời thành phố Đà Nẵng, trên cơ sở 2 xã Hoà Hải, Hoà Quý của huyện Hoà Vang và phường Bắc Mỹ An thuộc khu vực III của thành phố Đà Nẵng (cũ). Từ năm 1998, 2 xã Hoà Hải, Hoà Quý được chuyển thành phường. Từ tháng 4/2005, phường Bắc Mỹ An được tách ra thành 2 phường mới là Mỹ An và Khuê Mỹ. Tổng cộng hiện nay quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng có 4 phường: Hoà Hải, Hoà Quý, Khuê Mỹ và Mỹ An.

1.3.3. Nguồn gốc dân cư, sắc thái văn hóa

a. Nguồn gốc dân cư

Chủ yếu là người Việt từ các tỉnh phía bắc đã vào khai phá vùng đất ven sông Hàn, sông Cổ Cò và sông Cẩm Lệ từ các thế

kỷ XIV, XV, nhưng tập trung nhất, nở rộ nhất là từ thế kỷ XVII, khi các chúa Nguyễn vào trấn đất Thuận Quảng.

b. Sắc thái văn hóa:

Danh thắng Ngũ Hành Sơn đã được mệnh danh là “*Nam Thiên danh thắng*”. Những phong tục và lễ hội tiêu biểu của nhân dân trong quận là: tục thờ cúng Thành hoàng, thờ cúng tổ tiên; lễ tết Nguyên đán, tết Đoan ngo, lễ tế âm linh.

CHƯƠNG 2

ĐẶC ĐIỂM NGÔN NGỮ ĐỊA DANH

QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

2.1. ĐẶC ĐIỂM ĐỊA DANH QUẬN NGŨ HÀNH SƠN XÉT THEO LOẠI HÌNH

2.1.1. Địa danh tự nhiên (hay còn gọi là địa danh thiên tạo)

Địa danh tự nhiên (chiếm 16%), được phân loại ra 3 loại hình nhỏ, đó là địa danh đồi núi, địa danh sông nước và địa danh đồng bằng

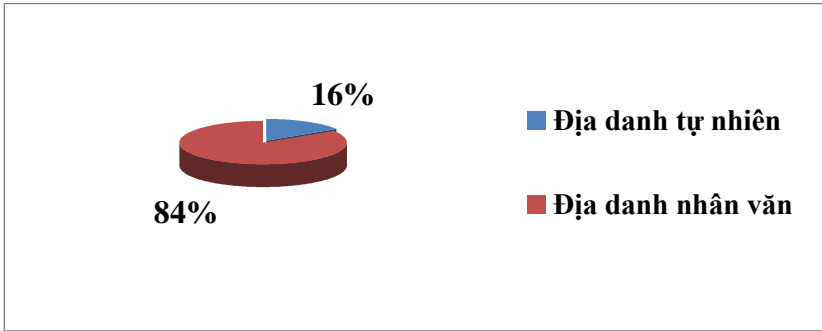
2.1.2. Địa danh nhân văn (hay còn gọi là địa danh nhân tạo)

Địa danh nhân văn ở quận Ngũ Hành Sơn có số lượng rất lớn (chiếm 84%).

Sau khi thống kê, tổng hợp chúng tôi đã thu thập được **1148** địa danh, thể hiện qua bảng 1 và biểu đồ 1 sau đây:

***Bảng 1** : Kết quả tổng hợp chung 2 loại hình địa danh quận
Ngũ Hành Sơn*

STT	Loại hình địa danh	Số lượng	Tỷ lệ
1	<i>Địa danh tự nhiên</i>	181	16%
2	<i>Địa danh nhân văn</i>	967	84%
Tổng cộng		1148	100%

Biểu đồ 2.1: Phân loại địa danh theo loại hình

Địa danh nhân văn chiếm tỷ lệ cao (84%) hơn địa danh tự nhiên (16%) cho thấy dưới sự tác động của quá trình đô thị hóa, địa danh tự nhiên đang đứng trước nguy cơ bị mai một.

2.2. Đặc điểm địa danh quận Ngũ Hành Sơn xét theo ngữ nguyên

Bảng 2.4: Tổng hợp số lượng tên riêng theo ngữ nguyên

STT	Nguồn gốc	Địa danh tự nhiên		Địa danh nhân văn	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Tiếng Chăm	1	0,5%	2	0,2%
2	Thuần Việt	14	7,73%	927	95,8%

3	Hán - Việt	162	89,5%	30	3,2%
4	Tiếng Pháp	4	2,2%	4	0,4%
5	Nguồn gốc khác	0	0%	4	0,4%
Tổng cộng		181	100%	967	100%

Bảng 2.5: Bảng thống kê và phân loại địa danh

TT	Loại địa danh	Tần số/Tỷ lệ	Ví dụ
1	Nguồn gốc Chăm	3/ 0,26%	<i>Làng Trà Lộ, làng Trà Khê, động Chiêm Thành.</i>
2	Nguồn gốc thuần Việt	940/ 81,9%	<i>Núi Đá Chông, núi Mông Gà, núi ông Chài, hồ ông Mười...</i>
3	Nguồn gốc Hán - Việt	193/ 16,8%	<i>Xã Xuân Nhâm, động Phố Đà Sơn, bia Vọng Hải Đài, ...</i>
4	Nguồn gốc Pháp	8/ 0,69%	<i>Núi faifo, núi Touran, núi Singes, núi Marbre, giáo xứ Phao lo...</i>
5	Nguồn gốc khác	4/ 0,34%	<i>Khu du lịch P&I, khu du lịch bãi biển Vegas, Trường SOS, trường Hermann Gmeiner.</i>

2.2.1. Địa danh có nguồn gốc Chăm

Dấu vết tên gọi của xứ đất ngày xưa của người Chăm trên địa bàn quận Ngũ Hành Sơn hầu như là không có, chỉ có một số tên gọi hiện nay còn đang nghi ngờ chiếm tỷ lệ rất nhỏ (0,27%) như tên gọi: Trà Lộ, Trà Khê, có thể có tên gốc từ Trà Kiệu, Trà Nhiêu, Trà Quế là tên các làng cũ vào thời kỳ Vương quốc Chăm pa, thế kỷ XIV; tên động Chiêm Thành, cũng là lấy tên nước Chăm Pa trước đây.

2.2.2. Địa danh có nguồn gốc thuần Việt

Chiếm số lượng tương đối không nhiều, một số xuất hiện ở địa danh tự nhiên mang tên thuần Việt (chiếm 8%). Còn lại tập trung xuất hiện một số ở loại hình địa danh nhân văn địa danh thuần Việt trong cách gọi tên cầu, tên trường học, tên nhà thờ tộc, tên đường.

2.2.3. Địa danh có nguồn gốc Hán - Việt

Tương tự như địa danh thuần Việt, địa danh Hán Việt chiếm nhiều hơn (81,9%) tuy nhiên cùng với quá trình lịch sử địa danh mang yếu tố Hán - Việt đã biến đổi và một số địa danh bị tiêu vong. Còn lại một số địa danh tồn tại đến bây giờ chủ yếu thể hiện tâm tư nguyện vọng về một cuộc sống tươi đẹp, ấm no hạnh phúc của địa phương mình.

2.2.4. Địa danh có nguồn gốc tiếng Pháp

Chiếm số lượng tương đối nhỏ (0,69%), đều xuất hiện ở địa danh tự nhiên và địa danh nhân văn. Người Tây phương vào năm 1749 đã gọi nhóm núi này là “núi Singes” tức núi Khi (vì trước kia có nhiều khi ở). Vào năm 1845 họ gọi đây là “núi Faifo” và sau cùng có tên gọi là “núi Touran (núi Đà Nẵng) hoặc “núi Marbre” (núi đá Cẩm thạch).

2.2.5. Địa danh có nguồn gốc khác

Chiếm tỷ lệ cũng rất nhỏ (0,34%), chủ yếu xuất hiện ở loại hình địa danh nhân văn. Tên gọi này chủ yếu gắn với các công trình xây dựng của các nhà đầu tư nước ngoài đến đầu tư tại địa phương như khu du lịch P&I, khu du lịch bãi biển Vegas, hoặc tên gọi có yếu tố người nước ngoài như Trường SOS, trường Hermann Gmeiner.

2.3. ĐẶC ĐIỂM ĐỊA DANH QUẬN NGŨ HÀNH SƠN XÉT THEO THÀNH TỐ

2.3.1. Thành tố chung (A)

Bảng 2.6: Tổng hợp cấu tạo thành tố chung 2 loại hình địa danh

TT	Số lượng âm tiết	Số lượng thành tố chung	Tỷ lệ	Ví dụ
		39	100%	
1	1 âm tiết	23	58,9%	<i>Núi</i> Hòa Sơn.

2	2 âm tiết	8	20%	<i>Khối phố Tân Trà</i>
3	3 âm tiết	2	5,1%	<i>Khu dân cư Phan Tứ,</i>
4	4 âm tiết	4	10%	<i>Nghĩa trang liệt sĩ phường Hòa Quý</i>
5	5 âm tiết	0	0%	
6	6 âm tiết	2	5,1%	<i>Di tích lịch sử cách mạng căn cứ lồm K20, Di tích lịch sử nhà thờ bà Nhiều</i>

2.3.2. Thành tố riêng: gọi tên riêng, thành tố B

Bảng 2.7: Tổng hợp cấu tạo thành tố riêng 2 loại hình địa danh

TT	Số lượng âm tiết	Số lượng T/T riêng	Tỷ lệ	Ví dụ
		1148	100%	
1	1 âm tiết	21	1,8%	Hang Gió , núi Đùng , cầu Quốc , ao Trời
2	2 âm tiết	489	42,5%	Núi ông Lê , núi Đá Chồng , núi Mồng Gà , núi Tam Thai
3	3 âm tiết	621	54%	Chùa Quán Thế Âm , khu dân cư Bắc Mỹ An , dãy núi

				Ngũ Hành Sơn...
4	4 âm tiết	7	0,6%	Chùa Sắc Tứ Vân Long , đường Châu Thị Vĩnh Tế , đường An Tư Công Chúa ,....
5	5 âm tiết	4	0,34%	Khu dân cư Hòa Hải H1- 3 ,
6	6 âm tiết	5	0,43%	Khu dân cư Kho xi măng Bắc Mỹ An...
7	7 âm tiết	1	0,1%	Khu dân cư Trung tâm hành chính Ngũ Hành Sơn.

2.3.3. Phương thức cấu tạo các thành tố

- a. Định danh bằng cách ghép tên chữ với tên số*
- b. Định danh theo các biến cố lịch sử*
- c. Định danh theo phương hướng*
- d. Định danh qua chuyển hóa từ các loại hình địa danh tự nhiên sang địa danh nhân văn*
- e. Địa danh hành chính cũ sang địa danh hành chính mới*
- f. Định danh đặt theo tên người*

g. Định danh bằng lấy địa danh các tỉnh khác

h. Định danh bằng cách chuyển hóa và rút ngắn tên gọi cũ

2.4. ĐẶC ĐIỂM ĐỊA DANH QUẬN NGŨ HÀNH SƠN XÉT THEO CẤU TẠO TỪ

2.4.1. Cấu tạo từ xét theo thành tố chung

a. Thành tố chung có cấu tạo từ là danh từ chung : sông (sông Hàn, sông Cẩm Lê) chợ (chợ Bình Kỳ, chợ Non Nước)...

b. Thành tố chung có cấu tạo là ngữ danh từ: công trình tín ngưỡng : nhà thờ tộc họ Nguyễn, nhà thờ tộc họ Lê, đối tượng dân cư: khu tái định cư Đông Trà, khu tái định cư Tân Trà...

2.4.2. Cấu tạo từ xét theo thành tố riêng

*a. Tên riêng có cấu tạo đơn: Danh từ: hang **Gió**, sông **Quốc**, ao **Trời**, hồ **Muối**, hang **Ráy**; Động từ: ruộng **Cày**, bến **Ngự**; Tính từ: sân bay **Nước Mặn**...*

*b. Tên riêng có cấu tạo phức : a, Từ ghép: làng đá mỹ nghệ **Non Nước**, sông **Bãi Dài**, khu dân cư **Tân Trà**, phường **Mỹ An**; b, Từ láy: sông **Ban Ban**.*

*c. Tên riêng có cấu tạo ngữ: a, Ngữ danh từ: núi **Ông Chài**, sông **Ba Chài**; b, Ngữ tính từ: đường **Mỹ An 1**, đường **Mỹ An 2**.*

2.4.3. Cấu tạo địa danh xét cả hai thành tố chung và riêng

Bảng 2.8: Thống kê cả 2 thành tố của loại hình địa danh tự nhiên

Địa danh tự nhiên						
Thành tố chung				Thành tố riêng		
Số lượng âm tiết				Số lượng âm tiết		
1	2	3	4	1	2	3
Núi				Đá	Chông	
Hòn				Âm	Hỏa	Sơn
Động				Vân	Thông	
Hang				Sáng	Vân	Nguyệt
Ao				Trời		
Hồ				Ông	Mười	
Sông				Cổ	Cò	
Dãy	núi			Ngũ	Hành	Sơn
Đỉnh	núi			Thượng	Thai	
Bãi	Biển			Bắc	Mỹ	An

Đồng				Bá	Giáng	
Ruộng				Nước		
Đảo				Nổi	Động	Nò
Rừng				Dương	Liễu	

Bảng 2.9: Thống kê cả hai thành tố của loại hình địa danh nhân văn

- Thành tố chung, thể hiện qua bảng sau:

<i>Số lượng âm tiết</i>					
1	2	3	4	5	6
Chợ					
Câu					
Đường					
Bến					
Chùa					
Khối	Phố				
Đình	làng				
Giáo	Xứ				
Nghĩa	địa				
Công	viên				
Khu	dân	cư			
Nhà	thờ	tộc	họ		

Nghĩa	trang	Liệt	sĩ		
Di	tích	Lịch	sử	Cách	Mạng
Di	Tích	Lịch	sử	Nhà	Thờ
Di	Tích	Lịch	sử	Nhà	Thờ
Quận					
Phường					
Tổ	Dân	Phố			
Tổng					
Xã					
Làng					
Xóm					
Khu	dân	cư			
Khu	Tái	Định	Cư		
Khu	đô	Thị	Mới		

- Thành tố riêng, thể hiện qua bảng sau:

<i>Số lượng âm tiết</i>						
1	2	3	4	5	6	7
Bình	Kỳ					
Biện	Tứ	Câu				
Mỹ	Đa	Tây	2	0		
Hóa	Quê					

Quan	Âm					
Tân	Trà					
Khuê	Bắc					
An	Thượng					
Hòa	Quý					
Ngũ	Hành	Son				
Bắc	Phan	Tứ				
Nguyễn	Văn	Vinh				
Phường	Hòa	Hải				
Căn	cứ	lỗm	K	2	0	
ông	Huỳnh	Trung				
Tổ	Nghê	điều	khắc	đá		
Ngũ	Hành	Son				
Mỹ	An					
1	4	3				
An	Lưu	Hạ				
An	Bắc					
Son	Thủy	Đông				
An	Hải	ấp				
Trung	tâm	hành	chính	Ngũ	Hành	Son
Đông	Trà					
F	P	T				

Cấu tạo của hai thành tố thường là ngữ, chủ yếu là ngữ danh từ: *Khu dân cư Kho xi măng Bắc Mỹ An, Di tích lịch sử Nhà thờ Tổ nghề điêu khắc đá...*

CHƯƠNG 3

ĐẶC TRƯNG NGŨ NGHĨA ĐỊA DANH QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

3.1. BIỂU THỊ ĐẶC ĐIỂM ĐỐI TƯỢNG QUA ĐỊNH DANH

3.1.1. Biểu thị vị trí, phương hướng của đối tượng định danh

3.1.2. Biểu thị đặc điểm địa hình qua hình dáng, tính chất mùi vị, chất liệu của đối tượng định danh.

3.1.3. Biểu thị khung cảnh môi trường liên quan đến đối tượng định danh

3.2. BIỂU THỊ ĐỜI SỐNG SINH HOẠT VÀ LAO ĐỘNG SẢN XUẤT CỦA CƯ DÂN NƠI ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC ĐỊNH DANH

3.2.1. Phản ánh đặc điểm cư trú và sinh hoạt hàng ngày của cư dân

3.2.2. Phản ánh dòng họ, dân tộc sinh sống trên địa bàn quận

3.2.3. Phản ánh nghề nghiệp và các sản phẩm kinh tế đặc trưng của địa phương

3.3. BIỂU THỊ LỊCH SỬ, VĂN HÓA, TÍN NGƯỠNG VÀ ĐỜI SỐNG TÂM LINH CỦA NGƯỜI DÂN ĐỊA PHƯƠNG

3.3.1. Phản ánh tín ngưỡng, tôn giáo và đời sống tâm linh

3.3.2. Phản ánh sự kiện, biến cố lịch sử và quân sự

3.3.3. Phản ánh quá trình chuyển đổi hành chính dân cư

3.3.4. Phản ánh nguồn gốc dân cư

3.3.5. Phản ánh quá trình tiếp xúc ngôn ngữ

3.4. Ý NGHĨA VÀ NGUỒN GỐC CỦA MỘT SỐ ĐỊA DANH NỔI BẬT CỦA QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

3.4.1. Địa danh nhân văn

a. Địa danh gắn tên đường vinh danh các danh nhân

b. Địa danh đường gắn với tên làng cũ, xóm cũ

c. Một số tuyến đường gắn địa danh kèm số

d. Địa danh phản ánh tín ngưỡng

3.5.2. Đặc điểm địa danh tự nhiên

a. Địa danh đường gắn với danh thắng

b. Địa danh đường gắn tên vùng đất cũ

3.5.3. Khái quát đặc điểm tự nhiên, văn hóa xã hội của quận Ngũ Hành Sơn qua địa danh

KẾT LUẬN

Qua phần nội dung các chương của luận văn, chúng tôi có thể rút ra một số nhận xét mang tính kết luận ban đầu về địa danh quận Ngũ Hành Sơn như sau:

Với 1148 địa danh đã thu thập được, chúng tôi đã tiến hành thống kê phân loại các địa danh này nằm trong 2 loại hình lớn, đó là loại hình địa danh thiên tạo và loại hình địa danh nhân tạo. Trong mỗi loại hình lớn, chúng tôi tiếp tục phân chia tiếp thành các tiểu loại như địa danh đồi núi, địa danh sông nước, địa danh đồng bằng, địa danh hành chính, địa danh các công trình dân sinh, địa danh các công trình văn hóa, tín ngưỡng. Từ đó chúng tôi phát hiện ra những đặc điểm riêng về cấu tạo và ngữ nghĩa cũng như qua các phương thức định danh của địa danh quận Ngũ Hành Sơn.

- *Về mặt cấu trúc*: Thành tố chung có cấu tạo nhiều nhất là từ 1 đến 6 âm tiết, chủ yếu nhiều nhất là đơn âm tiết. Các thành tố chung đều có khả năng chuyển hóa rất mạnh vào bộ phận tên riêng, nhất là các thành tố chung có nguồn gốc tiếng thuần Việt. Thành tố riêng có cấu tạo dài nhất từ 1 đến 7 âm tiết còn lại cấu tạo chủ yếu nhiều nhất là 2 âm tiết và 3 âm tiết.

- *Về mặt ngữ nghĩa*: Tên riêng rất phong phú và đa dạng về ý nghĩa. Nhóm biểu thị đặc điểm đối tượng qua định danh, nhóm biểu thị khung cảnh môi trường liên quan đến đối tượng

định danh, nhóm biểu thị đời sống sinh hoạt và lao động sản xuất, nhóm biểu thị tâm tư, tình cảm, nguyện vọng, ước muốn của người dân địa phương, nhóm biểu thị lịch sử, văn hóa, tín ngưỡng và đời sống tâm linh của người dân địa phương trong đó phản ánh tín ngưỡng, tôn giáo, phản ánh sự kiện, biến cố lịch sử và quân sự.

Có thể nói rằng các loại hình địa danh trải rộng trên khắp quận Ngũ Hành Sơn, được phân bố đồng đều về mặt địa lý. Sau 16 năm thành lập mới (từ ngày 01/01/1997- 01/01/2013), quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng hôm nay đã có một diện mạo mới, cơ sở hạ tầng được tập trung đầu tư xây dựng, nhiều khu dân cư mới được hình thành, nhiều tổ dân phố mới được thành lập, nhiều tuyến đường mới được đặt tên... Địa danh nhân văn chiếm tỷ lệ vượt trội (84%) ngược lại địa danh tự nhiên chiếm tỷ lệ rất thấp (16%). Điều này cho thấy do quá trình đô thị hóa, hình thành các khu dân cư, các khu đô thị mới. Mặt khác chúng tôi nhận thấy phần lớn các địa danh tên đường gần đây đều kèm theo số dẫn đến có nhiều ý kiến không đồng tình ủng hộ. Vì vậy chúng tôi kiến nghị nên lấy tên vùng đất, xứ đất hay danh nhân để định danh, hạn chế tối đa nhất lấy địa danh kèm số đặt tên đường và các công trình công cộng trên địa bàn quận Ngũ Hành Sơn trong thời gian tới.

Trong quá trình hoàn thành luận văn, mặc dù đã có nhiều cố gắng để vượt qua những trở ngại và khó khăn, với tri thức và sức sưu tầm có hạn, đồng thời đây cũng là lần đầu tiên nghiên cứu về loại hình địa danh nên chắc chắn sẽ không tránh khỏi những tồn tại và thiếu sót, tuy nhiên chúng tôi rất hy vọng với kết quả nghiên cứu ban đầu về địa danh quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng lần này sẽ ít nhiều có đóng góp cho thực tiễn nghiên cứu địa danh ở Việt Nam nói chung và ở Đà Nẵng nói riêng./.